

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 17/4/2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Diệp
2. Bà Vũ Kim Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lục Đức Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa:*** Ông Nông Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Phạm Văn D- sinh năm 1961;

Địa chỉ: Tổ 01, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- ***Bị đơn:*** Nông Thị Bích H - sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ 03, phường T, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2022, bản tự khai ngày 13 tháng 12 năm 2022 nguyên đơn Phạm Văn D trình bày: Ông và bà Nông Thị Bích H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04 tháng 10 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, hôn nhân tự nguyện, có được tìm hiểu. Sau khi kết hôn hai vợ chồng không sống chung với nhau mà sinh sống mỗi người một nơi, vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Quá trình mâu thuẫn hai bên có xảy ra cãi vã và xô xát nhưng không có thương tích. Mâu thuẫn xảy ra liên tục, chưa được chính quyền địa phương tiến hành hòa giải,

hai vợ chồng tự hòa giải với nhau nhưng không thành. Ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với bà Hà được nữa, nên ông D yêu cầu được ly hôn bà H.

Về con chung: Ông Phạm Văn Dkhai nhận trong quá trình chung sống với bà Nông Thị Bích H không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông D xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo hòa giải cho bà Nông Thị Bích H tại nơi cư trú nhưng bà H không hợp tác và vắng mặt không có lý do trong quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án.

Tại Biên bản xác minh tổ dân phố tại tổ 03, phường T, thành phố Cao Bằng ngày 20/12/2022 thể hiện: Bà Nông Thị Bích H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 03, phường T, thành phố Cao Bằng. Hiện nay bà Hà vẫn cư trú thường xuyên tại địa bàn của tổ dân phố. Ông Phạm Văn Dkhông có đăng ký tạm trú trên địa bàn tổ dân phố. Về quan hệ hôn nhân và quá trình sinh sống của ông D tổ dân phố không nắm được. Ông D và bà H không có con chung. Về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng tổ dân phố không nắm được và chưa được tiến hành hòa giải.

Tại Biên bản xác minh tổ dân phố tại tổ 01, phường H, thành phố Cao Bằng ngày 15/3/2023 thể hiện: Ông Phạm Văn Dcó đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 01, phường H, thành phố Cao Bằng. Ông Phạm Văn Dtrước đây có vợ là bà Triệu Thị C, sinh năm 1964, có con gái là bà Phạm Thị Bích H. Bà Cđã chết năm 2016. Đến năm 2017, ông Phạm Văn Dđã đăng ký kết hôn với bà Nông Thị Bích H (địa chỉ: Tổ 03, phường T, thành phố Cao Bằng). Kể từ khi kết hôn với ông D, bà Hà không chuyển tới sinh sống tại địa chỉ: tổ 01, phường H, thành phố Cao Bằng. Do vợ chồng ông D, bà H không cùng cư trú trên địa bàn nên tổ dân phố không nắm được quá trình hôn nhân mâu thuẫn giữa ông D và bà H và tổ dân phố chưa được tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Văn Dcó đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Nông Thị Bích H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử 02 lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt cả hai bên nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Phạm Văn Dđối với bà Nông Thị Bích H. Về con chung: không có nên không

xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn” giữa nguyên đơn Phạm Văn D đối với bị đơn bà Nông Thị Bích H. Bị đơn Nông Thị Bích H có hộ khẩu thường trú tại tổ 3, phường T, thành phố Cao Bằng. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Văn D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Nông Thị Bích H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử 02 lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung theo khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn D và bà Nông Thị Bích H kết hôn với nhau vào ngày 04 tháng 10 năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Sau khi cưới vợ chồng ông D và bà H không sống chung với nhau mà vẫn sống tại nhà riêng của mỗi người. Kể từ khi đăng ký kết hôn hai vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Quá trình mâu thuẫn hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã và xô xát nhưng không có thương tích, hai vợ chồng tự hòa giải với nhau nhưng không thành. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bà H nhưng bà H không hợp tác, không đưa ra ý kiến đối với yêu cầu ly hôn và vắng mặt không có lý do trong quá trình tiến hành tố tụng. Tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, ông D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để nhận định tình trạng hôn nhân giữa ông D và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông D là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giải quyết cho ly hôn giữa ông D và bà H.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông D và bà H không có con chung, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn ông Phạm Văn D xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án không giải quyết nên không đặt ra vấn đề xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn là ông D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn D đối với bà Nông Thị Bích H. Cho ly hôn giữa ông Phạm Văn D và bà Nông Thị Bích H.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống hai bên đương sự không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn ông D xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông Phạm Văn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Xác nhận ông D đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003282 ngày 10 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- UBND phường T,
TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hanh